

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 11 năm 2018
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bắc

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX - HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên Nguyên đơn: Chị Trần Huyền T, sinh năm 1998, (có mặt).

HKTT: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Khổng Mạnh H, sinh năm 1995, (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1970, (vắng mặt).

Đều cư trú: thôn M, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2018, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Huyền T trình bày:

Chị kết hôn với anh Khổng Mạnh H ngày 12/5/2016 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh H đến khi vợ chồng sống ly thân. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên chơi bời không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến tháng 5/2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hai

bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Khổng Nhật A, sinh ngày 10/9/2016, hiện nay cháu A đang ở cùng anh H. Ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đi làm nghề tự do thu nhập bình quân là 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Khổng Mạnh H trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết bà trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Khổng Mạnh H, anh H và chị T kết hôn tháng 5/2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã C, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị T về làm ăn chung sống cùng gia đình bà ngay. Quá trình anh chị chung sống có mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn bà không biết. Đến ngày 25/3/2018 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không về. Nay chị T xin ly hôn bà muốn anh chị đoàn tụ nuôi dạy con cái còn anh chị có ly hôn hay không do anh chị tự quyết định. Về con chung anh chị có một con Khổng Nhật A, sinh ngày 10/9/2016 hiện nay cháu đang ở cùng gia đình bà và anh H. Nếu anh chị ly hôn bà đề nghị để anh H nuôi con. Về tài sản, công nợ, công sức anh chị không có gì. Hiện nay anh H đi làm sáng đi tối về nhà, những lần tòa án báo gọi bà đều thông báo với anh nhưng anh H đi làm không thể đến tòa án làm việc được.

Qua xác minh tại UBND xã C: chị T và anh H kết hôn ngày 12/5/2016 có đăng ký tại UBND xã C. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh H. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn theo dư luận tại địa phương anh chị nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính nên vợ chồng không tin tưởng nhau. Nay chị T xin ly hôn anh H địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung vợ chồng có một con chung Khổng Nhật A hiện đang ở cùng anh H và gia đình anh H. Ly hôn địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra anh H vẫn có mặt tại địa phương, buổi sáng đi làm đến tối lại về gia đình. Những lần tòa án gửi giấy triệu tập, giấy báo địa phương đều giao cho gia đình anh H, còn anh H có đến tòa án làm việc không địa phương không biết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Huyền T và xử cho chị T được ly hôn với anh Khổng Mạnh H.

2.Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khổng Nhật A, sinh ngày 10/9/2016.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Khổng Mạnh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H, bà H vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Huyền T và anh Khổng Mạnh H là hôn nhân hợp pháp tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã Cg, huyện S. Theo chị T quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên chơi bời không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến tháng 5/2018 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị không về. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh H. Việc anh H biết mình được toà án triệu tập để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh. Nhưng cố tình vắng mặt không đến làm việc, thể hiện anh H không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Ngày 26/7/2018 Tòa án huyện Sông Lô đã có thông báo phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 99/2018/TBXXST cho anh H, nhưng anh H vẫn vắng mặt không đến tòa làm việc. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con Khổng Nhật A, sinh ngày 10/9/2016, hiện đang ở cùng anh H và gia đình anh H. Ly hôn chị T xin nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét việc nuôi con của chị T thấy rằng hiện cháu A còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên nên giao cho chị T trực tiếp nuôi con. Việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Huyền T được ly hôn với anh Không Mạnh H.

2.Về con chung: Giao chị Trần Huyền T nuôi dưỡng cháu Không Nhật A, sinh ngày 10/9/2016, hiện đang ở cùng anh H và gia đình anh H. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Huyền T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2017/0001302 ngày 29/5/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./

Nơi nhân:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Cao Phong;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ